

Bảng Phân tích Nhu cầu Tài chính

I. Thông tin Khách hàng:

Họ và tên: NGUYEN VAN A Ngày sinh: 01/01/1994
Giới tính: Nam Nữ
Tình trạng hôn nhân: Độc thân Đã kết hôn Ly hôn Góa

II. Thông tin tài chính:

Bảng phân tích này nhằm mục đích nhận diện nhu cầu tài chính và nhu cầu bảo hiểm dựa trên khả năng tài chính của Quý khách, là cơ sở để Chubb Life cung cấp giải pháp tài chính phù hợp trong danh mục sản phẩm của Công ty.

Quý khách vui lòng trả lời các câu hỏi dưới đây dựa trên khả năng và nhu cầu tài chính của mình.

NHU CẦU TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Nhu cầu Khách hàng quan tâm	SỐ TIỀN CẦN CÓ (1)	SỐ TIỀN ĐÃ CÓ (2)	KHOẢN THIẾU HỤT (1)-(2)
Bảo vệ tài chính				
Rủi ro Tử vong, Tai nạn, thương tật	<input checked="" type="checkbox"/>	1.000		1.000
Bệnh nan y	<input checked="" type="checkbox"/>	1.000		1.000
Tiết kiệm/Tích lũy				
Kế hoạch học vấn cho con	<input type="checkbox"/>			0
Kế hoạch tuổi hưu an nhàn	<input checked="" type="checkbox"/>	1.000		1.000
Đầu tư				
Đầu tư an toàn với lãi suất đảm bảo	<input checked="" type="checkbox"/>	500		500
Đầu tư linh hoạt với lợi nhuận/rủi ro không đảm bảo	<input checked="" type="checkbox"/>	500		500
Nhu cầu khác	<input type="checkbox"/>			0
Tổng cộng		4.000	0	4.000

KHẢ NĂNG TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Triệu đồng

Thông tin thu nhập (1)		Thông tin chi phí (2)	
Thu nhập bình quân hàng tháng của gia đình	60	Chi phí bình quân hàng tháng của gia đình	30
Thu nhập bình quân hàng năm của gia đình	720	Chi phí bình quân hàng năm của gia đình	360
Khả năng tài chính = Thu nhập – Chi phí		360	

III. Xác nhận của khách hàng:

- Tôi hiểu rõ Bảng phân tích nhu cầu tài chính này chỉ nhằm mục đích giúp tôi nhận diện nhu cầu và mục tiêu tài chính. Thông tin này chỉ mang tính chất tham khảo và đây không phải là một văn bản mang tính kết luận. Bảng phân tích nhu cầu tài chính này được hoàn thành dựa trên các thông tin do tôi cung cấp.
- Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về quyết định của mình trong việc lựa chọn sản phẩm bảo hiểm/kế hoạch bảo hiểm tham gia và/hoặc việc thay đổi về các giải pháp bảo hiểm trong hồ sơ yêu cầu bảo hiểm nộp về Công ty, nếu có.

Ngày Tháng Năm	Chữ ký	Họ tên
Khách hàng		NGUYEN VAN A

Ngày Tháng Năm	Mã số	Họ tên
Đại diện Kinh doanh		

Phiếu Khảo sát Mức độ Chấp nhận Rủi ro trong Đầu tư

I. Thông tin chung:

1. Khách hàng

Họ và tên:

NGUYEN VAN A

2. Đại diện Kinh doanh (ĐDKD)

Họ và tên:

Mã số đại lý:

II. Khảo sát mức độ chấp nhận rủi ro:

Nội dung khảo sát này nhằm hỗ trợ Quý khách trong việc quyết định lựa chọn các quỹ đầu tư phù hợp với mức độ chấp nhận rủi ro của mình.

Quý khách vui lòng đánh dấu X vào câu trả lời thích hợp dựa trên mục tiêu và quan điểm đầu tư của riêng mình.

Câu hỏi	Câu trả lời	Điểm số
1. Quý khách đang ở nhóm tuổi nào?	Trên 60 tuổi	<input type="checkbox"/> 1
	Từ 46 tuổi đến 60 tuổi	<input type="checkbox"/> 2
	Từ 35 tuổi đến 45 tuổi	<input type="checkbox"/> 3
	Dưới 35 tuổi	<input checked="" type="checkbox"/> 4
2. Quý khách đã tham gia hoạt động đầu tư nào? Có thể chọn nhiều câu trả lời	Chưa tham gia đầu tư (chuyển đến câu 5)	<input type="checkbox"/> 0
	Tiền gửi tiết kiệm, mua/ bán vàng miếng	<input type="checkbox"/> 1
	Bất động sản	<input checked="" type="checkbox"/> 2
	Chứng khoán (giao dịch cổ phiếu, trái phiếu,...)	<input checked="" type="checkbox"/> 3
	Giao dịch vàng, chứng khoán phái sinh, ngoại hối,...	<input checked="" type="checkbox"/> 4
3. Quý khách vui lòng cho biết thời gian đã tham gia đầu tư đối với loại hình đầu tư mà Quý khách có kinh nghiệm lâu nhất?	Dưới 6 tháng	<input type="checkbox"/> 1
	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	<input type="checkbox"/> 2
	Từ 1 đến 3 năm	<input type="checkbox"/> 3
	Trên 3 năm	<input checked="" type="checkbox"/> 4
4. Quý khách vui lòng đánh giá mức độ kinh nghiệm trong (những) hoạt động đầu tư nêu trên của mình?	Rất hạn chế: chưa có kinh nghiệm đầu tư	<input type="checkbox"/> 1
	Hạn chế: có rất ít kinh nghiệm đầu tư và cần hỗ trợ thêm	<input type="checkbox"/> 2
	Trung bình: có một số kinh nghiệm về đầu tư nhưng vẫn cần hỗ trợ thêm	<input type="checkbox"/> 3
	Chuyên sâu: thường xuyên đầu tư và hoạt động đầu tư có hiệu quả	<input checked="" type="checkbox"/> 4

5. Quý khách dự định đầu tư tối đa trong bao lâu?	Ngắn hạn (Dưới 5 năm)	<input type="checkbox"/>	1		
	Trung hạn (Từ 5 - 10 năm)	<input type="checkbox"/>	2		
	Dài hạn (Trên 10 năm)	<input checked="" type="checkbox"/>	3		
6. Danh mục đầu tư nào phù hợp với Quý khách? <i>Lưu ý: việc đầu tư luôn tiềm ẩn những rủi ro nhất định. Rủi ro càng cao thì nhiều khả năng lợi nhuận sẽ càng lớn. Ngược lại, rủi ro càng thấp thì lợi nhuận cũng sẽ càng thấp.</i>	Danh mục đầu tư	Lợi nhuận đầu tư hàng năm thấp nhất	Lợi nhuận đầu tư hàng năm cao nhất	Điểm	
	1	-0.2%	5%	<input type="checkbox"/>	1
	2	-5%	10%	<input type="checkbox"/>	2
	3	-10%	15%	<input type="checkbox"/>	3
	4	-20%	30%	<input checked="" type="checkbox"/>	4
Tổng điểm	28				
Mức độ chấp nhận rủi ro	Rất cao				

III. Mô tả về mức độ chấp nhận rủi ro:

Điểm số	≤ 11	12- 17	18 - 20	21 – 24	>24
Mức độ chấp nhận rủi ro	Thận trọng	Tương đối thận trọng	Cân bằng về đầu tư	Cao	Rất cao
Các Quỹ nên tập trung	Quỹ Bền vững	Quỹ Bền vững và Quỹ Cân bằng	Quỹ Cân bằng	Quỹ Cân bằng và Quỹ Tăng trưởng	Quỹ Tăng trưởng

IV. Xác nhận của khách hàng:

- Tôi đã được Đại diện Kinh doanh của Chubb Life giải thích rõ ràng, đầy đủ về Phiếu Khảo sát Mức độ Chấp nhận Rủi ro trong đầu tư. Theo đó, tôi xác nhận rằng các thông tin do tôi cung cấp như trên là chính xác, đúng sự thật. Tôi đồng ý và xác nhận rằng Phiếu khảo sát này chỉ có giá trị tham khảo giúp tôi hiểu rõ hơn về mức độ chấp nhận rủi ro của mình trong đầu tư và Phiếu khảo sát này không đưa ra hay cung cấp bất kỳ chỉ dẫn, cam kết hay hứa hẹn nào về khoản lợi nhuận thu được trong đầu tư.
- Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình cũng như chấp nhận mọi rủi ro xảy ra đối với (các) khoản tiền tôi đầu tư vào (các) Quỹ do tôi lựa chọn.

Ngày Tháng Năm	Chữ ký	Họ và tên
Khách hàng		NGUYEN VAN A

Ngày Tháng Năm	Mã số	Họ và tên
Đại diện Kinh doanh		

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH CHỦ ĐỘNG

Đầu tư vững tâm - Bảo vệ vững vàng

ĐẦU TƯ VỮNG TÂM



Tăng trưởng tài sản trong dài hạn

Cơ hội gia tăng tài sản với Tỷ suất sinh lời tiềm năng trong dài hạn.



Quý đầu tư chuyên nghiệp

Các Quỹ Liên kết Đơn vị được quản lý bởi các chuyên gia đầu tư chuyên nghiệp, uy tín và giàu kinh nghiệm từ VinaCapital.



Chủ động và linh hoạt

Chủ động đầu tư vào các Quỹ tùy theo khẩu vị rủi ro và linh hoạt chuyển đổi quỹ, đầu tư thêm hoặc rút tiền từ tài khoản.



Món quà Tuổi vàng 75

Món quà đặc biệt Chubb Life gửi đến khách hàng tại tuổi 75 khi hoàn lại 50% Phí rủi ro của sản phẩm chính.



BẢO VỆ VỮNG VÀNG



3 gói Quyền lợi bảo vệ

Đáp ứng nhu cầu bảo vệ đa dạng với 03 gói : Quyền lợi 65, Quyền lợi 80 và Quyền lợi 99.



Bảo vệ toàn diện

Tối ưu lá chắn bảo vệ với bộ Sản phẩm Bảo hiểm Bồi trợ đa dạng, toàn diện.

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ CHUBB VIỆT NAM (“Chubb Life”)

hoạt động kinh doanh Bảo hiểm Nhân thọ và Bảo hiểm Sức khỏe theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 33GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 04/05/2005 và các giấy phép điều chỉnh.
Vốn điều lệ hơn 1.384 tỷ đồng.



Trụ sở chính: Tầng 21, Tòa nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh.

Thông tin liên hệ

Điện thoại: (84-28) 3827 8989

Hotline: (84-28) 3827 8123

Fax: (84-28) 3821 9000

E-mail: chubblife.vietnam@chubb.com

Website: <https://life.chubb.com/vn>

Thông tin Đại diện kinh doanh (ĐDKD):

Họ và Tên:

Mã số ĐKKD:

Chứng chỉ Đại lý Bảo hiểm Cơ bản:

Chứng chỉ Đại lý Bảo hiểm Liên kết Đơn vị:

I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính – Tuổi	Nhóm nghề	Mối quan hệ với BMBH
Bên mua Bảo hiểm (BMBH)	NGUYEN VAN A	01/01/1994	NAM - 30	1
Người được Bảo hiểm (NDBH) 1	NGUYEN VAN A	01/01/1994	NAM - 30	1

II. THÔNG TIN SẢN PHẨM BẢO HIỂM VÀ TỶ LỆ ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: đồng

Sản phẩm Bảo hiểm	NDBH	Điều kiện Bảo hiểm (*)	Mệnh giá Bảo hiểm (MGBH)	Tuổi NDBH khi đáo hạn	Phí Bảo hiểm (Phí BH) hàng năm(**)	
Sản phẩm Bảo hiểm chính						
Kế hoạch Tài chính Chủ động Quyền lợi 80	1	S/S	1.000.000.000	80	12.360.000	
Sản phẩm Bảo hiểm Bổ trợ (***) Nhóm 1						
1	Bảo hiểm Tử vong hoặc Tàn tật do Tai nạn Mở rộng	1	S/S	1.000.000.000	70	1.800.000
2	Bảo hiểm Thương tật Toàn bộ và Vĩnh viễn	1	S/S	1.000.000.000	75	1.850.000
3	Bảo hiểm Hỗ trợ Nằm viện Mở rộng	1	S/S	500.000	70	996.000
4	Bảo hiểm theo Mức độ cho Bệnh Nan Y	1	S/S	1.000.000.000	70	11.390.000

Tổng cộng: 28.396.000

	<input checked="" type="checkbox"/> Năm	<input type="checkbox"/> Nửa năm	<input type="checkbox"/> Quý
Phí BH cơ bản theo kỳ của Sản phẩm Bảo hiểm chính (1)	12.360.000	6.180.000	3.090.000
Phí BH bổ sung theo kỳ của (các) Sản phẩm Bảo hiểm Bổ trợ Nhóm 1 (2)	16.036.000	8.018.000	4.009.000
Tổng phí BH theo kỳ (3 = 1+2)	28.396.000	14.198.000	7.099.000
Phí BH đóng thêm (dự kiến) (4)	21.604.000	10.802.000	5.401.000
Tổng phí BH dự kiến đóng theo kỳ (5 = 3+4)	50.000.000	25.000.000	12.500.000
Thời gian đóng phí bắt buộc	03 năm		
Thời gian đóng phí (dự kiến)	20 năm		

KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHẤP NHẬN MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

Bên mua Bảo hiểm: NGUYEN VAN A

Người được Bảo hiểm 1: NGUYEN VAN A

Tài liệu minh họa số: 20240702165643 - 8343540

ĐDKD tư vấn:

Điện thoại liên lạc:

Mã số ĐDKD:

Văn phòng ĐDKD:

Ngày hiệu lực: 02/07/2024

Chữ ký:

Trang 7/ 25

Ngày lập: 02/07/2024 16:56:43

CHH0NBEL240042V

Ghi chú:

- (*) Điều kiện Bảo hiểm: S/S là điều kiện bảo hiểm chuẩn, còn lại là điều kiện tăng phí bảo hiểm.
- (**) Phí BH hàng năm: là Phí BH tối thiểu mà BMBH phải đóng mỗi năm cho Sản phẩm Bảo hiểm chính, (các) Sản phẩm Bảo hiểm Bổ trợ (SPBHBT) Nhóm 1 và (các) Sản phẩm Bảo hiểm Bổ trợ Nhóm 2 (nếu có).
- (***) Việc tham gia (các) Sản phẩm Bảo hiểm Bổ trợ không phải là điều kiện bắt buộc để tham gia Sản phẩm Bảo hiểm chính.
- ❖ Thời hạn đóng Phí bảo hiểm: BMBH phải đóng đầy đủ và đúng hạn Phí Bảo hiểm cơ bản cho mỗi năm trong 03 Năm hợp đồng đầu tiên và có thể đóng phí linh hoạt từ năm thứ tư (04) trở đi cho đến khi kết thúc Thời gian đóng phí dự kiến hoặc Thời hạn Hợp đồng Bảo hiểm, nhưng phải đảm bảo Giá trị Tài khoản Hợp đồng (GTTKHD) đủ để thanh toán các khoản khấu trừ để Hợp đồng Bảo hiểm (HDBH) duy trì hiệu lực.
- ❖ Khách hàng có nghĩa vụ kê khai trung thực, đầy đủ, chính xác các thông tin liên quan đến Bên mua Bảo hiểm và Người được Bảo hiểm.
- ❖ Quy tắc và Điều khoản của Sản phẩm Bảo hiểm chính và các Sản phẩm Bảo hiểm bổ trợ và các biểu mẫu, tài liệu liên quan đến sản phẩm được đăng tải tại <https://www.chubb.com/vn-vn/personal/premier-variable-universal-life.html>, Quý khách vui lòng truy cập để tham khảo để nắm các thông tin chi tiết.

TỶ LỆ ĐẦU TƯ VÀO CÁC QUỸ

Tỷ lệ Đầu tư (%) BMBH chỉ định để phân bổ (các) khoản phí bảo hiểm vào (các) Quỹ Liên kết Đơn vị như sau:

Quỹ Liên kết Đơn vị	Phí BH cơ bản và Phí BH bổ sung của SPBHBT Nhóm 1	Phí BH đóng thêm
Quỹ Tăng trưởng	100%	100%
Quỹ Cân bằng	0%	0%
Quỹ Bền vững	0%	0%
Tổng Tỷ lệ đầu tư	100%	100%

KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHẤP NHẬN MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

III. GIẢI THÍCH QUYỀN LỢI SẢN PHẨM BẢO HIỂM

SẢN PHẨM BẢO HIỂM CHÍNH

Người được Bảo hiểm 1		
A. Quyền lợi Bảo hiểm	Sự kiện Bảo hiểm	Số tiền Bảo hiểm (đồng)
QLBH Tử vong	Tử vong	1.000.000.000 cộng với GTTK Cơ bản và GTTK Đầu tư thêm <i>Nếu Sự kiện Bảo hiểm xảy ra khi NĐBHI nhỏ hơn 4 Tuổi bảo hiểm, Mệnh giá Bảo hiểm sẽ được điều chỉnh theo giới hạn Tuổi bảo hiểm.</i>
B. Quyền lợi Đầu tư	Thông tin chi tiết	
Đầu tư thông qua 3 Quỹ liên kết đơn vị của Chubb Life	Thông tin chi tiết về các Quỹ liên kết đơn vị được thể hiện tại Điểm VI. THÔNG TIN VỀ CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ của Tài liệu minh họa này.	
C. Quyền lợi khác	Thời điểm chi trả	Số tiền chi trả (đồng)
Quyền lợi Duy trì Hợp đồng ⁽¹⁾	Ngày đáo niên của Năm hợp đồng thứ 10 và của Năm hợp đồng thứ 20	<ul style="list-style-type: none">Cuối Năm hợp đồng thứ 10: 20% Phí BH cơ bản tại cuối Năm hợp đồng đầu tiênCuối Năm hợp đồng thứ 20: 50% Phí BH cơ bản tại cuối Năm hợp đồng đầu tiên
Quyền lợi Đáo hạn	Ngày đáo hạn Hợp đồng Bảo hiểm (HĐBH)	Toàn bộ Giá trị Tài khoản Hợp đồng

GTTKHĐ: Giá trị Tài khoản Hợp đồng; GTTK Cơ bản: Giá trị Tài khoản Cơ bản; GTTK Đầu tư thêm: Giá trị Tài khoản Đầu tư thêm

KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHẤP NHẬN MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

Bên mua Bảo hiểm: NGUYEN VAN A

Người được Bảo hiểm 1: NGUYEN VAN A

Tài liệu minh họa số: **20240702165643 - 8343540**

ĐDKD tư vấn:

Điện thoại liên lạc:

Mã số ĐDKD:

Văn phòng ĐDKD:

Ngày hiệu lực: 02/07/2024

Chữ ký:

Trang 9/ 25

Ngày lập: 02/07/2024 16:56:43

CHH0NBEL240042V

Lưu ý:

(1) Điều kiện để được chi trả Quyền lợi Duy trì Hợp đồng: Trong suốt 10 Năm hợp đồng liền kề trước thời điểm xem xét chi trả quyền lợi này, Hợp đồng Bảo hiểm phải đáp ứng đủ tất cả các điều kiện sau đây:

- Hợp đồng Bảo hiểm chưa từng bị mất hiệu lực;
- Không có bất cứ giao dịch rút tiền từ Giá trị Tài khoản Cơ bản;
- Không có bất cứ yêu cầu giảm Mệnh giá Bảo hiểm của Sản phẩm Bảo hiểm chính; và
- Phí Bảo hiểm cơ bản được đóng đầy đủ trong mỗi Năm hợp đồng.

Chi tiết về quyền lợi bảo hiểm và điều kiện chi trả được quy định cụ thể trong Quy tắc và Điều khoản của Sản phẩm Bảo hiểm chính.

KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHẤP NHẬN MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

Bên mua Bảo hiểm: NGUYEN VAN A

Người được Bảo hiểm 1: NGUYEN VAN A

Tài liệu minh họa số: **20240702165643 - 8343540**

ĐDKD tư vấn:

Điện thoại liên lạc:

Mã số ĐDKD:

Văn phòng ĐDKD:

Ngày hiệu lực: 02/07/2024

Chữ ký:

Trang 10/ 25

Ngày lập: 02/07/2024 16:56:43

CHH0NBEL240042V

SẢN PHẨM BẢO HIỂM BỔ TRỢ (“SPBHBT”) NHÓM 1

SPBHBT Nhóm 1 dành cho Người được Bảo hiểm 1		
Sản phẩm Bảo hiểm	Sự kiện Bảo hiểm	Số tiền Bảo hiểm (đồng)
Bảo hiểm Tử vong hoặc Tàn tật do Tai nạn Mở rộng	Chấn thương nội tạng, xương khớp, bỏng hoặc tàn tật do tai nạn	% của 1.000.000.000 tùy theo tỷ lệ thương tật
	Tử vong do Tai nạn khi đang du lịch nước ngoài do công ty du lịch của Việt Nam tổ chức	3.000.000.000
	Tử vong do Tai nạn khi đang là hành khách trên phương tiện vận chuyển công cộng	2.000.000.000
	Tử vong do tai nạn	1.000.000.000
Bảo hiểm Thương tật Toàn bộ và Vĩnh viễn	Thương tật Toàn bộ và Vĩnh viễn	1.000.000.000
Bảo hiểm Hỗ trợ Nằm viện Mở rộng	Nằm viện điều trị	<ul style="list-style-type: none">• 500.000/Ngày nằm viện do Bệnh• 750.000/Ngày nằm viện do Tai nạn• 1.000.000/Ngày nằm viện điều trị tại Khoa Hồi sức tích cực Và, nhận thêm lên đến 10.000.000 đồng nếu có Phẫu thuật
Bảo hiểm theo Mức độ cho Bệnh Nan Y	Mắc Bệnh Nan Y trẻ em (trước khi NĐBH1 đạt 18 Tuổi bảo hiểm)	1.000.000.000
	Mắc Bệnh Nan Y Mức độ 1 (sau khi NĐBH1 đạt 18 Tuổi bảo hiểm trở lên)	300.000.000
	Mắc Bệnh Nan Y Mức độ 2 (sau khi NĐBH1 đạt 18 Tuổi bảo hiểm trở lên)	600.000.000 + Miễn khấu trừ Phí rủi ro của SPBHBT này
	Mắc Bệnh Nan Y Mức độ 3 (sau khi NĐBH1 đạt 18 Tuổi bảo hiểm trở lên)	1.000.000.000

Lưu ý:

- Trường hợp Sự kiện Bảo hiểm xảy ra với NĐBH1 trước khi đạt 04 Tuổi Bảo hiểm, Số tiền Bảo hiểm chi trả sẽ được điều chỉnh theo mức giới hạn được quy định tại Quy tắc và Điều khoản của (các) SPBHBT Nhóm 1 tham gia trong HĐBH.
- Chi tiết về quyền lợi bảo hiểm và điều kiện chi trả được quy định cụ thể trong Quy tắc và Điều khoản của (các) sản phẩm bảo hiểm tham gia trong HĐBH.

KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHẤP NHẬN MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

Bên mua Bảo hiểm: NGUYEN VAN A

Người được Bảo hiểm 1: NGUYEN VAN A

Tài liệu minh họa số: **20240702165643 - 8343540**

ĐKKD tư vấn:

Điện thoại liên lạc:

Mã số ĐKKD:

Văn phòng ĐKKD:

Ngày hiệu lực: 02/07/2024

Chữ ký:

Ngày lập: 02/07/2024 16:56:43

CHH0NBEL240042V

IV. MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM

1. Trường hợp BMBH chỉ đóng phí BH trong 3 năm hợp đồng đầu tiên (thời gian đóng phí bắt buộc)

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH 1	Phí bảo hiểm		Phí ban đầu		Phí BH được phân bổ			Khoản Khấu trừ hàng tháng*		
		Phí BH cơ bản	Phí BH bổ sung	Phí BH cơ bản	Phí BH bổ sung	Quỹ Tăng trưởng	Quỹ Cân bằng	Quỹ Bền vững	Phí rủi ro	Phí quản lý hợp đồng	
1	31	12.360	16.036	8.652	11.225	8.519	-	-	2.833	516	
2	32	12.360	16.036	7.416	8.018	12.962	-	-	3.012	540	
3	33	12.360	16.036	3.708	4.811	19.877	-	-	3.144	564	
4	34	-	-	-	-	-	-	-	3.313	588	
5	35	-	-	-	-	-	-	-	3.493	612	
6	36	-	-	-	-	-	-	-	3.697	636	
7	37	-	-	-	-	-	-	-	3.990	660	
8	38	-	-	-	-	-	-	-	4.291	684	
9	39	-	-	-	-	-	-	-	4.555	708	
10	40	-	-	-	-	-	-	-	4.868	720	
11	41	-	-	-	-	-	-	-	5.181	720	
12	42	-	-	-	-	-	-	-	5.583	720	
13	43	-	-	-	-	-	-	-	5.979	720	
14	44	HĐBH mất hiệu lực khi GTTKHD nhỏ hơn 0									

Lưu ý:

- Minh họa về phân bổ Phí BH cho trường hợp BMBH chỉ đóng phí BH trong 3 năm hợp đồng đầu tiên, chỉ bao gồm Phí BH cơ bản và Phí BH bổ sung của SPBHBT Nhóm 1 và không bao gồm Phí BH đóng thêm.
- Khoản Khấu trừ hàng tháng sẽ được trừ từ GTTKHD.
- (*) Các giá trị minh họa của Phí rủi ro và Phí quản lý hợp đồng nêu ở bảng trên được áp dụng chung cho cả 2 mức Tỷ suất đầu tư dự kiến (gồm Tỷ suất đầu tư cao và Tỷ suất đầu tư thấp). Thông tin về các mức Tỷ suất đầu tư dự kiến, Quý khách vui lòng tham khảo nội dung chi tiết tại mục Ghi chú - điểm V của Tài liệu minh họa này.

KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHẤP NHẬN MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

Bên mua Bảo hiểm: NGUYEN VAN A

Người được Bảo hiểm 1: NGUYEN VAN A

Tài liệu minh họa số: **20240702165643 - 8343540**

ĐDKD tư vấn:

Điện thoại liên lạc:

Mã số ĐDKD:

Văn phòng ĐDKD:

Ngày hiệu lực: 02/07/2024

Chữ ký:

Ngày lập: 02/07/2024 16:56:43

CHH0NBEL240042V

Trang 12/ 25

2. Trường hợp BMBH đóng đầy đủ phí BH trong thời gian đóng phí dự kiến

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH 1	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí BH được phân bổ			Khoản Khấu trừ hàng tháng*	
		Phí BH cơ bản	Phí BH bổ sung	Phí BH đóng thêm	Phí BH cơ bản	Phí BH bổ sung	Phí BH đóng thêm	Quỹ Tăng trưởng	Quỹ Cân bằng	Quỹ Bền vững	Phí rủi ro	Phí quản lý hợp đồng
1	31	12.360	16.036	21.604	8.652	11.225	216	29.907	-	-	2.833	516
2	32	12.360	16.036	21.604	7.416	8.018	216	34.350	-	-	3.012	540
3	33	12.360	16.036	21.604	3.708	4.811	216	41.265	-	-	3.144	564
4	34	12.360	16.036	21.604	-	-	216	49.784	-	-	3.313	588
5	35	12.360	16.036	21.604	-	-	216	49.784	-	-	3.493	612
6	36	12.360	16.036	21.604	-	-	216	49.784	-	-	3.697	636
7	37	12.360	16.036	21.604	-	-	216	49.784	-	-	3.990	660
8	38	12.360	16.036	21.604	-	-	216	49.784	-	-	4.291	684
9	39	12.360	16.036	21.604	-	-	216	49.784	-	-	4.555	708
10	40	12.360	16.036	21.604	-	-	216	49.784	-	-	4.868	720
11	41	12.360	16.036	21.604	-	-	216	49.784	-	-	5.181	720
12	42	12.360	16.036	21.604	-	-	216	49.784	-	-	5.583	720
13	43	12.360	16.036	21.604	-	-	216	49.784	-	-	5.979	720
14	44	12.360	16.036	21.604	-	-	216	49.784	-	-	6.510	720
15	45	12.360	16.036	21.604	-	-	216	49.784	-	-	7.076	720
16	46	12.360	16.036	21.604	-	-	216	49.784	-	-	7.702	720
17	47	12.360	16.036	21.604	-	-	216	49.784	-	-	8.507	720
18	48	12.360	16.036	21.604	-	-	216	49.784	-	-	9.325	720
19	49	12.360	16.036	21.604	-	-	216	49.784	-	-	10.145	720
20	50	12.360	16.036	21.604	-	-	216	49.784	-	-	11.026	720

Lưu ý:

1. Phí BH đóng thêm (nếu có) chỉ được phân bổ vào (các) Quỹ Liên kết Đơn vị vào ngày kết thúc Thời gian cân nhắc và được dùng để mua (các) Đơn vị quỹ theo Giá đơn vị quỹ vào Ngày định giá ngay sau ngày kết thúc Thời gian cân nhắc.
2. Khoản Khấu trừ hàng tháng sẽ được trừ từ GTTKHĐ.
3. (*) Các giá trị minh họa của Phí rủi ro và Phí quản lý hợp đồng nêu ở bảng trên được áp dụng chung cho cả 2 mức Tỷ suất đầu tư dự kiến (gồm Tỷ suất đầu tư cao và Tỷ suất đầu tư thấp). Thông tin về các mức Tỷ suất đầu tư dự kiến, Quý khách vui lòng tham khảo nội dung chi tiết tại mục Ghi chú - điểm V của Tài liệu minh họa này.

KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHẤP NHẬN MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

V. MINH HỌA VỀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

1. Trường hợp BMBH chỉ đóng phí BH trong 3 năm hợp đồng đầu tiên (thời gian đóng phí bắt buộc)

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HD	Tuổi NĐBH 1	Phí BH được phân bổ	CÁC GIÁ TRỊ MINH HỌA Ở TỶ SUẤT ĐẦU TƯ CAO (KHÔNG ĐẢM BẢO)							Yêu cầu rút tiền	
			Giá trị Quỹ			QL Duy trì Hợp đồng	GTTKHD	QLBH Tử vong	Giá trị Hoàn lại		
			Quỹ Tăng trưởng	Quỹ Cân bằng	Quỹ Bền vững						
1	31	8.519	5.769	-	-	-	5.770	1.005.770	-	-	
2	32	12.962	16.679	-	-	-	16.679	1.016.679	4.319	-	
3	33	19.877	35.927	-	-	-	35.927	1.035.927	23.567	-	
4	34	-	35.048	-	-	-	35.048	1.035.048	25.778	-	
5	35	-	33.868	-	-	-	33.868	1.033.868	27.688	-	
6	36	-	32.344	-	-	-	32.344	1.032.344	29.254	-	
7	37	-	30.352	-	-	-	30.353	1.030.353	30.353	-	
8	38	-	27.851	-	-	-	27.851	1.027.851	27.851	-	
9	39	-	24.817	-	-	-	24.817	1.024.817	24.817	-	
10	40	-	21.173	-	-	-	21.173	1.021.173	21.173	-	
11	41	-	16.877	-	-	-	16.877	1.016.877	16.877	-	
12	42	-	11.781	-	-	-	11.781	1.011.781	11.781	-	
13	43	-	5.813	-	-	-	5.813	1.005.813	5.813	-	
14	44	-	HDBH mất hiệu lực khi GTTKHD nhỏ hơn 0								

TÓM TẮT CÁC QUYỀN LỢI:

Tổng Quyền lợi Duy trì Hợp đồng:	-	Tổng số năm đóng phí:	3 năm
Quyền lợi Tuổi vàng:	-	Tổng số phí đóng:	85.188.000 đồng
		Tổng số tiền rút (dự kiến):	-

Lưu ý:

- Minh họa về quyền lợi bảo hiểm cho trường hợp BMBH chỉ đóng Phí BH trong 3 Năm hợp đồng đầu tiên, chỉ bao gồm Phí BH cơ bản và Phí BH bổ sung của SPBHBT Nhóm 1, không bao gồm Phí BH đóng thêm.
- Khoản Khấu trừ hàng tháng sẽ được trừ từ GTTKHD.

KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHẤP NHẬN MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

Năm HĐ	Tuổi NĐBH 1	Phí BH được phân bổ	CÁC GIÁ TRỊ MINH HỌA Ở TỶ SUẤT ĐẦU TƯ THẤP (KHÔNG ĐẢM BẢO)								Yêu cầu rút tiền
			Giá trị Quỹ			QL Duy trì Hợp đồng	GTTKHD	QLBH Tử vong	Giá trị Hoàn lại		
			Quỹ Tăng trưởng	Quỹ Cân bằng	Quỹ Bền vững						
1	31	8.519	5.237	-	-	-	5.237	1.005.237	-	-	
2	32	12.962	14.810	-	-	-	14.810	1.014.810	2.450	-	
3	33	19.877	31.307	-	-	-	31.307	1.031.307	18.947	-	
4	34	-	27.699	-	-	-	27.699	1.027.699	18.429	-	
5	35	-	23.850	-	-	-	23.850	1.023.850	17.670	-	
6	36	-	19.732	-	-	-	19.732	1.019.732	16.642	-	
7	37	-	15.254	-	-	-	15.254	1.015.254	15.254	-	
8	38	-	10.406	-	-	-	10.406	1.010.406	10.406	-	
9	39	-	5.219	-	-	-	5.219	1.005.219	5.219	-	
10	40	-	HĐBH mất hiệu lực khi GTTKHD nhỏ hơn 0								-

TÓM TẮT CÁC QUYỀN LỢI:

Tổng Quyền lợi Duy trì Hợp đồng:	-	Tổng số năm đóng phí:	3 năm
Quyền lợi Tuổi vàng:	-	Tổng số phí đóng:	85.188.000 đồng
		Tổng số tiền rút (dự kiến):	-

Lưu ý:

- Minh họa về quyền lợi bảo hiểm cho trường hợp BMBH chỉ đóng Phí BH trong 3 Năm hợp đồng đầu tiên, chỉ bao gồm Phí BH cơ bản và Phí BH bổ sung của SPBHBT Nhóm 1, không bao gồm Phí BH đóng thêm.
- Khoản Khấu trừ hàng tháng sẽ được trừ từ GTTKHD.

KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHẤP NHẬN MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

2. Trường hợp BMBH đóng đầy đủ phí BH trong thời gian đóng phí dự kiến

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HD	Tuổi NĐBH 1	Phí BH được phân bổ	CÁC GIÁ TRỊ MINH HỌA Ở TỶ SUẤT ĐẦU TƯ CAO (KHÔNG ĐẢM BẢO)							Yêu cầu rút tiền
			Giá trị Quỹ			QL Duy trì Hợp đồng	GTTKHD	QLBH Tử vong	Giá trị Hoàn lại	
			Quỹ Tăng trưởng	Quỹ Cân bằng	Quỹ Bền vững					
1	31	29.907	29.061	-	-	-	29.061	1.029.061	23.292	-
2	32	34.350	65.335	-	-	-	65.335	1.065.335	52.975	-
3	33	41.265	112.204	-	-	-	112.205	1.112.205	99.845	-
4	34	49.784	172.361	-	-	-	172.361	1.172.361	163.091	-
5	35	49.784	237.617	-	-	-	237.617	1.237.617	231.437	-
6	36	49.784	308.441	-	-	-	308.441	1.308.441	305.351	-
7	37	49.784	385.237	-	-	-	385.237	1.385.237	385.237	-
8	38	49.784	468.638	-	-	-	468.638	1.468.638	468.638	-
9	39	49.784	559.049	-	-	-	559.049	1.559.049	559.049	-
10	40	49.784	659.638	-	-	2.472	659.638	1.659.638	659.638	-
11	41	49.784	766.381	-	-	-	766.381	1.766.381	766.381	-
12	42	49.784	882.409	-	-	-	882.409	1.882.409	882.409	-
13	43	49.784	1.008.141	-	-	-	1.008.141	2.008.141	1.008.141	-
14	44	49.784	1.144.508	-	-	-	1.144.508	2.144.508	1.144.508	-
15	45	49.784	1.292.418	-	-	-	1.292.418	2.292.418	1.292.418	-
16	46	49.784	1.453.177	-	-	-	1.453.177	2.453.177	1.453.177	-
17	47	49.784	1.627.060	-	-	-	1.627.060	2.627.060	1.627.060	-
18	48	49.784	1.815.562	-	-	-	1.815.562	2.815.562	1.815.562	-
19	49	49.784	2.019.982	-	-	-	2.019.982	3.019.982	2.019.982	-
20	50	49.784	2.248.377	-	-	6.180	2.248.377	3.248.377	2.248.377	-

TÓM TẮT CÁC QUYỀN LỢI:

Tổng Quyền lợi Duy trì Hợp đồng:	8.652.000 đồng	Tổng số năm đóng phí (dự kiến):	20 năm
Quyền lợi Tuổi vàng:	-	Tổng số phí đóng (dự kiến):	1.000.000.000 đồng
		Tổng số tiền rút (dự kiến):	-

KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHẤP NHẬN MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

Bên mua Bảo hiểm: NGUYEN VAN A

Người được Bảo hiểm 1: NGUYEN VAN A

Tài liệu minh họa số: **20240702165643 - 8343540**

ĐDKD tư vấn:

Điện thoại liên lạc:

Mã số ĐKKD:

Văn phòng ĐKKD:

Ngày hiệu lực: 02/07/2024

Chữ ký:

Trang 16/ 25

Ngày lập: 02/07/2024 16:56:43

CHH0NBEL240042V

Năm HD	Tuổi NDBH 1	Phí BH được phân bổ	CÁC GIÁ TRỊ MINH HỌA Ở TỶ SUẤT ĐẦU TƯ THẤP (KHÔNG ĐẢM BẢO)							Yêu cầu rút tiền
			Giá trị Quỹ			QL Duy trì Hợp đồng	GTTKHD	QLBH Tử vong	Giá trị Hoàn lại	
			Quỹ Tăng trưởng	Quỹ Cân bằng	Quỹ Bền vững					
1	31	29.907	26.839	-	-	-	26.839	1.026.839	21.602	-
2	32	34.350	58.230	-	-	-	58.230	1.058.230	45.870	-
3	33	41.265	96.763	-	-	-	96.763	1.096.763	84.403	-
4	34	49.784	144.095	-	-	-	144.095	1.144.095	134.825	-
5	35	49.784	191.691	-	-	-	191.691	1.191.691	185.511	-
6	36	49.784	239.533	-	-	-	239.533	1.239.533	236.443	-
7	37	49.784	287.535	-	-	-	287.535	1.287.535	287.535	-
8	38	49.784	335.700	-	-	-	335.700	1.335.700	335.700	-
9	39	49.784	384.048	-	-	-	384.048	1.384.048	384.048	-
10	40	49.784	435.024	-	-	2.472	435.024	1.435.024	435.024	-
11	41	49.784	483.724	-	-	-	483.724	1.483.724	483.724	-
12	42	49.784	532.521	-	-	-	532.521	1.532.521	532.521	-
13	43	49.784	581.393	-	-	-	581.393	1.581.393	581.393	-
14	44	49.784	630.220	-	-	-	630.220	1.630.220	630.220	-
15	45	49.784	678.965	-	-	-	678.966	1.678.966	678.966	-
16	46	49.784	727.589	-	-	-	727.589	1.727.590	727.590	-
17	47	49.784	775.871	-	-	-	775.871	1.775.871	775.871	-
18	48	49.784	823.812	-	-	-	823.812	1.823.812	823.812	-
19	49	49.784	871.409	-	-	-	871.409	1.871.409	871.409	-
20	50	49.784	924.800	-	-	6.180	924.800	1.924.800	924.800	-

TÓM TẮT CÁC QUYỀN LỢI:

Tổng Quyền lợi Duy trì Hợp đồng:	8.652.000 đồng	Tổng số năm đóng phí (dự kiến):	20 năm
Quyền lợi Tuổi vàng:	-	Tổng số phí đóng (dự kiến):	1.000.000.000 đồng
		Tổng số tiền rút (dự kiến):	-

KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHẤP NHẬN MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

Ghi chú:

- Các giá trị nêu trong Bảng minh họa được tính toán trên cơ sở cuối Năm hợp đồng với điều kiện Phí bảo hiểm được đóng đủ vào đầu Năm hợp đồng. Các giá trị này có thể thay đổi theo định kỳ đóng phí và kết quả đầu tư của Quỹ Liên kết Đơn vị.
- Giá trị Hoàn lại được xác định bằng GTTKHĐ tại Ngày định giá ngay sau ngày HĐBH chấm dứt hiệu lực, trừ đi Phí chấm dứt hợp đồng và các Khoản nợ (nếu có).
- Các Khoản nợ của HĐBH (nếu có), sẽ được khấu trừ trước khi chi trả Quyền lợi bảo hiểm, Quyền lợi đầu tư hoặc Quyền lợi khác.
- HĐBH mất hiệu lực nếu GTTKHĐ không đủ chi trả cho các Khoản Khấu trừ hàng tháng, ngoại trừ trường hợp HĐBH được đảm bảo duy trì trong 3 Năm hợp đồng đầu tiên theo điều kiện quy định trong Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm.
- Các giao dịch về thay đổi Mệnh giá Bảo hiểm, tham gia/chấm dứt sản phẩm bảo hiểm bổ trợ, yêu cầu rút tiền từ GTTKHĐ và các giao dịch khác liên quan đến HĐBH phải được BMBH gửi yêu cầu bằng văn bản (theo mẫu cho Chubb Life) và chỉ có hiệu lực sau khi được Chubb Life chấp thuận bằng văn bản.
- Theo quy định của pháp luật, tài liệu minh họa này chỉ thể hiện quyền lợi đầu tư trong 20 năm. Trường hợp BMBH tiếp tục đóng phí để duy trì HĐBH thì GTTKHĐ vẫn sẽ tiếp tục được đầu tư và hưởng kết quả đầu tư thông qua các Quỹ Liên kết Đơn vị.
- Các mức Tỷ suất đầu tư cao, thấp trong các Bảng minh họa nêu trên được giả định như trong bảng Tỷ suất đầu tư dự kiến dưới đây và giả định là không thay đổi trong suốt Thời hạn HĐBH. Tỷ suất đầu tư dự kiến hoàn toàn chỉ mang tính chất minh họa và **KHÔNG ĐƯỢC ĐẢM BẢO**.

Quỹ Liên kết Đơn vị	Tỷ suất đầu tư dự kiến	
	Cao	Thấp
Quỹ Tăng trưởng	8,9%	1,0%
Quỹ Cân bằng	7,0%	2,0%
Quỹ Bền vững	5,5%	3,0%

- Giá đơn vị quỹ của các Quỹ Liên kết Đơn vị có thể tăng hoặc giảm nên Tỷ suất đầu tư thực tế từ hoạt động của Quỹ Liên kết Đơn vị có thể **CAO HƠN** hoặc **THẤP HƠN** mức Tỷ suất đầu tư dự kiến.
- GTTKHĐ phụ thuộc vào kết quả của các khoản đầu tư trong từng Quỹ Liên kết Đơn vị và có thể **THẤP HƠN** tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư.

KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHẤP NHẬN MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

VI. THÔNG TIN VỀ CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ**1. THÔNG TIN CHUNG**

Quỹ Liên kết Đơn vị	Mục tiêu	Danh mục đầu tư	Tỷ lệ đầu tư		Lợi nhuận kỳ vọng và mức độ rủi ro
			Tối thiểu	Tối đa	
Quỹ Tăng trưởng	Tối đa hóa lợi nhuận từ trung đến dài hạn	Cổ phiếu	70%	100%	Cao
		Công cụ thị trường tiền tệ	0%	30%	
Quỹ Cân bằng	Cân bằng giữa thu nhập ổn định và sự tăng trưởng vốn trung và dài hạn	Cổ phiếu	35%	65%	Trung bình
		Tài sản có thu nhập cố định	35%	65%	
		Công cụ thị trường tiền tệ	0%	30%	
Quỹ Bền vững	Tạo thu nhập ổn định và bảo toàn vốn	Tài sản có thu nhập cố định	70%	100%	Thấp
		Công cụ thị trường tiền tệ	0%	30%	

Ghi chú:

- Cổ phiếu bao gồm nhưng không giới hạn: Cổ phiếu chưa niêm yết, cổ phiếu niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam và các chứng khoán liên quan đến cổ phiếu phát sinh từ thực hiện quyền của cổ đông hiện hữu.
- Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm nhưng không giới hạn: tiền mặt tại ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng có kỳ hạn từ 03 tháng trở xuống và các sản phẩm đầu tư thị trường tiền tệ khác mà pháp luật cho phép.
- Tài sản có thu nhập cố định bao gồm nhưng không giới hạn: trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu doanh nghiệp, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng có kỳ hạn trên 03 tháng và các sản phẩm đầu tư có thu nhập cố định khác mà pháp luật cho phép.
- Các Quỹ Liên kết Đơn vị nêu trên được quản lý bởi Công ty quản lý quỹ VinaCapital.

KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHẤP NHẬN MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

2. TỶ SUẤT ĐẦU TƯ THỰC TẾ

Năm	Tỷ suất đầu tư thực tế		
	Quỹ Tăng trưởng	Quỹ Cân bằng	Quỹ Bền vững
2023*	13,60%	11,00%	8,30%

Năm	Các chỉ số tham khảo	
	VN INDEX	Lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 1 năm (Vietcombank)
2023*	6,20%	4,80%

(*). Kết quả Tỷ suất đầu tư thực tế và chỉ số tham khảo VN INDEX được tính cho giai đoạn từ ngày 09/02/2023 đến 31/12/2023.

3. ĐỊNH GIÁ ĐƠN VỊ QUỸ

- Tài sản của Quỹ Liên kết Đơn vị được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là Đơn vị quỹ.
- Giá đơn vị quỹ được xác định bằng cách lấy Giá trị tài sản ròng của Quỹ Liên kết Đơn vị chia cho số lượng Đơn vị quỹ của Quỹ liên kết Đơn vị đó tại Ngày định giá (Thứ 5 hàng tuần) và được công bố trên website <https://www.chubb.com/vn-vn/customer-service/unit-price-notice.html> . Định kỳ định giá Đơn vị quỹ tối thiểu là 1 lần/tuần (trừ trường hợp lễ Tết hoặc do nguyên nhân bất khả kháng).
- Giá đơn vị quỹ có thể **tăng hoặc giảm** tùy thuộc vào kết quả đầu tư của Quỹ Liên kết Đơn vị. Kết quả hoạt động của Quỹ Liên kết Đơn vị là **KHÔNG ĐƯỢC ĐẢM BẢO** và có thể cho kết quả âm.
- Giá trị của Quỹ Liên kết Đơn vị có thể thấp hơn số phí bảo hiểm đã đóng và phụ thuộc vào kết quả đầu tư thực tế của Quỹ Liên kết Đơn vị.

4. BIỆN PHÁP BẢO VỆ VÀ GIA TĂNG QUYỀN LỢI CHO KHÁCH HÀNG

Chubb Life sẽ áp dụng các biện pháp sau đây để bảo vệ và gia tăng quyền lợi của BMBH:

- Thay đổi tên của (các) Quỹ Liên kết Đơn vị;
- Đóng (các) Quỹ Liên kết Đơn vị để chuyển đổi các tài sản sang Quỹ Liên kết Đơn vị mới có cùng mục tiêu đầu tư;
- Chia tách và/hoặc sáp nhập các Quỹ Liên kết Đơn vị hiện có;
- Ngừng định giá Đơn vị quỹ và các giao dịch liên quan đến Hợp đồng Bảo hiểm trong trường hợp Sở giao dịch chứng khoán và/hoặc Trung tâm giao dịch chứng khoán mà (các) Quỹ Liên kết Đơn vị đang đầu tư vào bị tạm thời đình chỉ giao dịch;
- Các biện pháp khác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và quy định của pháp luật;

Khi thực hiện các biện pháp (a), (b), (c) và (e), Chubb Life sẽ thông báo cho BMBH bằng văn bản ít nhất 3 ngày trước khi áp dụng.

KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHẤP NHẬN MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

5. CÁC QUYỀN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM

- **Chỉ định Tỷ lệ Đầu tư:** Chỉ định Tỷ lệ Đầu tư vào từng Quỹ Liên kết Đơn vị phù hợp với mục tiêu đầu tư và khả năng chấp nhận rủi ro.
- **Thay đổi Tỷ lệ Đầu tư:** Yêu cầu thay đổi Tỷ lệ Đầu tư theo nhu cầu tại từng thời điểm.
- **Chuyển đổi quỹ:** Chuyển đổi tài sản linh hoạt giữa các Quỹ Liên kết Đơn vị.
- **Đầu tư thêm:** Phí bảo hiểm đóng thêm tối đa lên đến 5 lần Phí Bảo hiểm cơ bản của Năm hợp đồng hiện tại.
- **Rút tiền từ Giá trị Tài khoản Hợp đồng:** Yêu cầu rút tiền từ GTTKHD được thực hiện theo thứ tự từ GTTK Đầu tư thêm sau đó đến GTTK Cơ bản.

KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHẤP NHẬN MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

Bên mua Bảo hiểm: NGUYEN VAN A

Người được Bảo hiểm 1: NGUYEN VAN A

Tài liệu minh họa số: **20240702165643 - 8343540**

ĐDKD tư vấn:

Điện thoại liên lạc:

Mã số ĐDKD:

Văn phòng ĐDKD:

Ngày hiệu lực: 02/07/2024

Chữ ký:

Trang 21/ 25

Ngày lập: 02/07/2024 16:56:43

CHH0NBEL240042V

VII. GIẢI THÍCH CÁC LOẠI CHI PHÍ KHẤU TRỪ VÀ THUẬT NGỮ LIÊN QUAN

Phí ban đầu

Là khoản phí được khấu trừ từ số tiền thực đóng tại thời điểm BMBH đóng phí và được xác định theo tỷ lệ:

Năm hợp đồng	1	2	3	4	5	6+
% của Phí BH cơ bản	70%	60%	30%	0%	0%	0%
% Phí BH bổ sung của Sản phẩm Bảo hiểm Bỗ trợ Nhóm 1	70%	50%	30%	0%	0%	0%
% của Phí BH đóng thêm	1%	1%	1%	1%	1%	1%

Phí BH được phân bổ

Là khoản phí được phân bổ vào (các) Quỹ Liên kết Đơn vị từ Phí BH cơ bản, Phí BH bổ sung của Sản phẩm Bảo hiểm Bỗ trợ Nhóm 1 (nếu có) và Phí BH đóng thêm (nếu có) sau khi trừ Phí ban đầu.

Phí rủi ro

Là khoản phí được khấu trừ hàng tháng từ GTTKHĐ để đảm bảo quyền lợi bảo hiểm rủi ro theo cam kết tại HĐBH. Phí rủi ro của HĐBH sẽ bao gồm Phí rủi ro của Sản phẩm Bảo hiểm chính và Phí rủi ro của (các) Sản phẩm Bảo hiểm Bỗ trợ Nhóm 1 (nếu có).

Phí quản lý hợp đồng

Là khoản phí để chi trả cho các chi phí thực hiện các công việc cần thiết cho việc duy trì hiệu lực HĐBH và cung cấp thông tin liên quan đến HĐBH, và được khấu trừ hàng tháng từ GTTKHĐ. Phí quản lý hợp đồng là 42.000 đồng/tháng trong năm 2024 và được tự động điều chỉnh vào ngày 01/01 hàng năm với mức tăng là 2.000 đồng/tháng so với mức cố định của năm liền trước. Phí quản lý hợp đồng tối đa là 60.000 đồng/tháng.

Phí quản lý quỹ

Là khoản phí dùng để trang trải cho các hoạt động đầu tư và quản lý Quỹ Liên kết Đơn vị. Khoản phí này được tính trên tổng tài sản của Quỹ và được khấu trừ trước khi xác định giá trị tài sản ròng của mỗi Quỹ tại Ngày định giá. Phí quản lý quỹ chi tiết như dưới đây:

Quỹ Liên kết Đơn vị	Quỹ Tăng trưởng	Quỹ Cân bằng	Quỹ Bền vững
Phí quản lý quỹ tối đa hàng năm (% trên tổng tài sản của Quỹ)	2,0%	1,5%	1,0%

Phí chuyển đổi quỹ

Trong mỗi Năm hợp đồng, Chubb Life sẽ miễn phí chuyển đổi quỹ cho 06 lần chuyển đổi đầu tiên. Từ lần chuyển đổi thứ 07 trở đi, Phí chuyển đổi quỹ là 50.000 đồng/lần chuyển đổi và sẽ được khấu trừ từ số tiền yêu cầu chuyển đổi.

Phí chấm dứt hợp đồng

Là khoản phí được áp dụng khi HĐBH chấm dứt trước thời hạn. Phí này được tính theo tỷ lệ % tổng Phí BH cơ bản của HĐBH tại cuối Năm hợp đồng đầu tiên như sau:

Năm hợp đồng	1 - 3	4	5	6	7+
% của tổng Phí BH cơ bản cuối Năm hợp đồng đầu tiên	100%	75%	50%	25%	0%

Phí rút tiền

Là khoản phí được áp dụng khi BMBH rút tiền từ GTTK Cơ bản trong 06 Năm hợp đồng đầu tiên và được xác định bằng 3% tính trên tổng số tiền rút từ GTTK Cơ bản.

Lưu ý: Các khoản phí nêu trên có thể thay đổi nếu được sự chấp thuận của Bộ Tài chính. Mọi thay đổi về các khoản phí (nếu có), sẽ được Chubb Life thông báo với BMBH ít nhất 3 tháng trước thời điểm áp dụng.

KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHẤP NHẬN MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

VIII. TÓM TẮT CÁC TRƯỜNG HỢP LOẠI TRỪ BẢO HIỂM**Đối với sản phẩm Kế hoạch Tài chính Chủ động**

- Tự tử trong vòng 24 tháng từ Ngày hiệu lực Hợp đồng Bảo hiểm hoặc Ngày khôi phục hiệu lực Hợp đồng Bảo hiểm gần nhất (nếu có);
- Nhiễm HIV, bị AIDS, hoặc những bệnh liên quan đến HIV/AIDS;
- Sử dụng trái phép ma túy hoặc các chất gây nghiện khác;
- Bị thi hành án tử hình, do hành vi cố ý của Người được Bảo hiểm, Bên mua Bảo hiểm hoặc Người thụ hưởng.

Quý khách vui lòng xem nội dung chi tiết về điều khoản loại trừ bảo hiểm tại Điều 5 Bản Quy tắc và Điều khoản sản phẩm Kế hoạch Tài chính Chủ động.

Đối với Sản phẩm Bảo hiểm Bổ trợ Nhóm 1 - Bảo hiểm Tử vong hoặc Tàn tật do Tai nạn Mở rộng

- Tham gia ẩu đả, đánh nhau;
- Chạy xe quá tốc độ hoặc điều khiển/tham gia điều khiển phương tiện giao thông mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn;
- Tình trạng tồn tại trước.

Quý khách vui lòng xem nội dung chi tiết về điều khoản loại trừ bảo hiểm tại Điều 2 Bản Quy tắc và Điều khoản của Sản phẩm BHBT này.

Đối với Sản phẩm Bảo hiểm Bổ trợ Nhóm 1 - Bảo hiểm Thương tật Toàn bộ và Vĩnh viễn

- Tự tử hoặc mưu toan tự tử hoặc cố tình tự gây thương tích;
- Tình trạng tồn tại trước.

Quý khách vui lòng xem nội dung chi tiết về điều khoản loại trừ bảo hiểm tại Điều 2 Bản Quy tắc và Điều khoản của Sản phẩm BHBT này.

Đối với Sản phẩm Bảo hiểm Bổ trợ Nhóm 1 - Bảo hiểm theo Mức độ cho Bệnh Nan Y

- Các bệnh lý bẩm sinh;
- Tình trạng tồn tại trước hoặc Bệnh Nan Y được chẩn đoán trong thời gian hoãn áp dụng;
- Các trường hợp loại trừ bảo hiểm quy định tại danh sách các Bệnh Nan Y được bảo hiểm.

Quý khách vui lòng xem nội dung chi tiết về điều khoản loại trừ bảo hiểm tại Điều 2 Bản Quy tắc và Điều khoản của Sản phẩm BHBT này.

KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHẤP NHẬN MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

Đối với Sản phẩm Bảo hiểm Bồi trợ Nhóm 1 - Bảo hiểm Hỗ trợ Nằm viện Mở rộng

- Tham gia ẩu đả, đánh nhau;
- Chạy xe quá tốc độ hoặc điều khiển/tham gia điều khiển phương tiện giao thông mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn;
- Điều trị liên quan đến thai sản, mắt và/hoặc tai, hoặc điều trị nha khoa ngoại trừ do Tai nạn;
- Điều trị các bệnh/ rối loạn tâm thần hay rối loạn tâm lý hay các rối loạn về giấc ngủ;
- Bệnh hoặc tình trạng bất thường do bẩm sinh, di truyền;
- Tình trạng tồn tại trước hoặc bệnh trong thời gian hoãn áp dụng.

Quý khách vui lòng xem nội dung chi tiết về điều khoản loại trừ bảo hiểm tại Điều 2 Bản Quy tắc và Điều khoản của Sản phẩm BHBT này.

KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHẤP NHẬN MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

Bên mua Bảo hiểm: NGUYEN VAN A

Người được Bảo hiểm 1: NGUYEN VAN A

Tài liệu minh họa số: **20240702165643 - 8343540**

ĐDKD tư vấn:

Điện thoại liên lạc:

Mã số ĐDKD:

Văn phòng ĐDKD:

Ngày hiệu lực: 02/07/2024

Chữ ký:

Trang 24/ 25

Ngày lập: 02/07/2024 16:56:43

CHH0NBEL240042V

XÁC NHẬN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM:

- ✓ Tôi/Chúng tôi đã được Đại diện Kinh doanh (ĐDKD) có tên dưới đây (i) phân tích nhu cầu và khả năng tài chính, (ii) khảo sát mức độ chấp nhận rủi ro và (iii) tư vấn đầy đủ về Quy tắc & Điều khoản, quyền lợi bảo hiểm, loại trừ bảo hiểm của sản phẩm chính và (các) sản phẩm bổ trợ trong Tài liệu minh họa.
- ✓ Tôi/Chúng tôi hiểu rõ tính chất sản phẩm Kế hoạch Tài chính Chủ động cũng như đã được giải thích về cơ cấu tính phí bảo hiểm mà Chubb Life áp dụng cho Hợp đồng Bảo hiểm.
- ✓ Tôi/Chúng tôi đã đọc và hiểu toàn bộ nội dung của Tài liệu minh họa này kể cả các lưu ý, hiểu rõ về Quyền lợi bảo hiểm, Quyền lợi đầu tư và Quyền lợi khác khi tham gia Kế hoạch Tài chính Chủ động.
- ✓ Tôi/Chúng tôi hiểu rằng việc tham gia sản phẩm Kế hoạch Tài chính Chủ động là một cam kết dài hạn và việc hủy bỏ hợp đồng là không có lợi vì các khoản phí phải trả rất cao trong thời gian đầu.
- ✓ Tôi/Chúng tôi hiểu rằng Hợp đồng Bảo hiểm sẽ mất hiệu lực khi Phí Bảo hiểm cơ bản không được đóng đầy đủ và đúng hạn trong 03 Năm hợp đồng đầu tiên, hoặc khi Giá trị Tài khoản Hợp đồng không đủ thanh toán Khoản Khấu trừ hàng tháng.
- ✓ Tôi/Chúng tôi đồng ý rằng các quyền lợi được minh họa tại Tài liệu minh họa này chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy thuộc vào các yếu tố đầu tư.

NGUYEN VAN A

Bên mua Bảo hiểm

(Vui lòng ghi họ tên bằng chữ thường)

Chữ ký

Ngày/tháng/năm

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN KINH DOANH:

Tôi cam đoan và xác nhận đã giải thích trung thực, đầy đủ và đã tư vấn cho BMBH có tên nêu trên về chi tiết của Tài liệu minh họa này và các nội dung của Quy tắc và Điều khoản của (các) sản phẩm bảo hiểm.

ĐDKD tư vấn

Mã số ĐDKD

Chữ ký

Ngày/tháng/năm

KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHẤP NHẬN MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ